

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2021.

V/v tranh chấp về ly hôn của nam,  
nữ sống chung với nhau như vợ  
chồng mà không đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Bích Thơ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Trí
2. Ông Ngô Văn Khon

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Thông – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 10, ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ H, sinh năm: 1974;

- *Bị đơn:* Anh Trương Minh D, sinh năm: 1969;

Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã Ahuyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2020, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;*

*Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H trình bày:* Chị H và anh D chung sống với nhau từ năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn, tự nguyện chung sống đến nay đã được 28 năm. Trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn như anh D uống rượu, đánh đập, chửi bới chị H, thời gian gần đây anh D đánh chị H ngày càng nhiều nên chị không thể chung sống với anh D được nữa. Về con chung có 01

người con tên Trương Minh L, sinh năm: 1994 đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh D, con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Minh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của chị H, cũng như tham dự phiên hòa giải và phiên tòa 02 lần nên tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh D về yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình như không đến tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình là thiếu sót vi phạm vào Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Mỹ H và anh Trương Minh D. Về con chung đã trưởng thành; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh D, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp N, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị H và anh D không có đăng ký kết hôn, nay chị H yêu cầu ly hôn với anh D, nên phát sinh tranh chấp về ly hôn của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3.] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4.] Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh D vắng mặt lần thứ 2 không nêu lý do chính đáng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị H vắng mặt có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh D cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh D là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung:

[2.1.] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh D là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định, nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Trong thời gian chung sống chị H và anh D phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp, anh D thường hay đánh đập, chửi bới dẫn đến bạo lực gia đình, đến nay không hàn gắn được. Chị H cương quyết ly hôn với anh D, do chị H và anh D chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Nên không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về con chung: Cháu Trương Minh L, sinh năm 1994 đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4.] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5.] Về án phí:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Trương Minh D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Mỹ H và anh Trương Minh D.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019-0014428 ngày 19/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị H không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11/11/2021). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công TTĐT Tòa án;
- UBND xã An Phong;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lý Thị Bích Thor**

